

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số: 92 /KH-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Nội dung mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
I.	MỤC TIÊU CỤ THỂ			
1	Phát triển chính quyền số			
a)	Phần đầu tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh.	
b)	Phần đầu tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh.	
c)	Phần đầu tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% (đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 6 năm 2022; đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp huyện từ ngày 01 tháng 12 năm 2022).	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC tỉnh); Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	
d)	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 50%.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
đ)	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 50% (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
e)	50% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	

STT	Nội dung mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
g)	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 40% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
h)	50% các hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
i)	50% cơ quan nhà nước có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
k)	25% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	Thanh tra tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
l)	20% đơn vị cấp xã có hệ thống thông tin truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ số, nền tảng số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
m)	100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước hoạt động trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh (Lạng Sơn Cloud).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
n)	100% cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước có ít nhất một Trợ lý ảo hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức trong môi trường làm việc.	Sở Thông tin và Truyền thông.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
2	Phát triển kinh tế số			
a)	Kinh tế số chiếm từ 10% GRDP của tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Cục Thống kê tỉnh	
b)	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu trên 2%	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan,	Cục Thống kê tỉnh	

STT	Nội dung mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
		đơn vị liên quan		
c)	Phần đầu năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
d)	Tỷ lệ hộ gia đình, người dân có cửa hàng số cho người mua và người bán giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử đạt trên 50%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Công Thương; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
đ)	Phần đầu tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 7%;	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
e)	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%	Cục Thuế tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	
g)	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%;	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	
h)	Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30%.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	
3	Phát triển xã hội số			
a)	Phần đầu tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 75%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
b)	Phần đầu tỷ lệ dân số có điện thoại di động thông minh đạt 85%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
c)	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt từ 65 - 70%.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Lạng Sơn	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
d)	100% người dân và doanh nghiệp được Trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện thủ	Sở Thông tin và	Văn phòng UBND tỉnh; các sở,	

STT	Nội dung mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
	tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.	Truyền thông	ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
đ)	100% các trường học sử dụng nền tảng số trong công tác giảng dạy và hoạt động quản lý. 50% trường học, cơ sở giáo dục sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông	
e)	100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số. 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Phần đầu đạt trên 90% người dân tỉnh Lạng Sơn có Hồ sơ sức khỏe điện tử.	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông	
g)	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số đạt 100%.	Bưu điện tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	
4.	Phát triển cửa khẩu số			
a)	100% doanh nghiệp xuất nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế Hữu nghị, cửa khẩu Tân Thanh sử dụng Nền tảng cửa khẩu số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan	
b)	100% các cơ quan, đơn vị có liên quan sử dụng một nền tảng cửa khẩu số trong quản lý số lượng người, phương tiện, hàng hóa luân chuyển qua cửa khẩu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan	
c)	100% các hoạt động kiểm tra, giám sát của lãnh đạo tỉnh, các sở, ngành liên quan sử dụng một nền tảng cửa khẩu số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	
d)	Hàng hóa thông quan, điều khiển barie tự động	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan	